

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
TỈNH HÀ TĨNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 34/NQ-HĐND

Hà Tĩnh, ngày 15 tháng 12 năm 2016

**NGHỊ QUYẾT**  
**Về việc thông qua điều chỉnh Quy hoạch bảo vệ và phát triển rừng  
tỉnh Hà Tĩnh đến năm 2020**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH  
KHOÁ XVII, KỲ HỌP THỨ 3**

*Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;*

*Căn cứ Luật bảo vệ và phát triển rừng năm 2004;*

*Căn cứ Nghị định số 23/2006/NĐ-CP, ngày 03 tháng 3 năm 2006 của Chính phủ về việc thi hành Luật bảo vệ và phát triển rừng;*

*Căn cứ Thông tư số 05/2008/TT-BNN, ngày 14 tháng 01 năm 2008 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn lập quy hoạch, kế hoạch bảo vệ và phát triển rừng;*

*Sau khi xem xét Tờ trình số 423/TTr-UBND, ngày 30 tháng 11 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh về Điều chỉnh quy hoạch bảo vệ và phát triển rừng tỉnh Hà Tĩnh đến năm 2020; Báo cáo thẩm tra của Ban kinh tế - ngân sách và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*

**QUYẾT NGHỊ:**

Thông qua điều chỉnh Quy hoạch bảo vệ và phát triển rừng tỉnh Hà Tĩnh đến năm 2020 như Ủy ban nhân dân tỉnh đã trình với nội dung chủ yếu sau:

**Chương I**

**ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH 3 LOẠI RỪNG**

**Điều 1. Điều chỉnh diện tích quy hoạch 3 loại rừng**

1. Đưa ra ngoài quy hoạch đất lâm nghiệp: Diện tích 1.814,5 ha, trong đó rừng tự nhiên 292,6 ha; rừng trồng 768,6 ha; đất chưa có rừng 355,1 ha và đất khác 398,2 ha.

2. Bổ sung vào quy hoạch 3 loại rừng: Diện tích 1.546,9 ha, trong đó rừng tự nhiên 40,9ha; rừng trồng 1.470,2 ha; đất chưa có rừng 35,8 ha, gồm:

a) Bổ sung vào đối tượng quy hoạch rừng sản xuất: Diện tích 1.393,2 ha, trong đó rừng tự nhiên 40,9 ha, rừng trồng 1.339,9 ha, đất chưa có rừng 12,4 ha.

b) Bổ sung vào đối tượng quy hoạch rừng phòng hộ: Diện tích 153,7 ha, trong đó rừng trồng 130,3 ha và đất chưa có rừng 23,4 ha.

3. Điều chỉnh quy hoạch 3 loại rừng: Tổng diện tích quy hoạch rừng phòng hộ điều chỉnh sang quy hoạch rừng sản xuất là 1.268,9 ha; trong đó rừng tự nhiên 233,8 ha; rừng trồng 671,3 ha; đất chưa có rừng 215,8 ha và đất khác 148,0 ha.

4. Diện tích 3 loại rừng sau bổ sung và điều chỉnh: Tổng diện tích 360.703 ha, trong đó rừng tự nhiên 218.259 ha, rừng trồng 95.175 ha, đất chưa có rừng 40.632 ha và đất khác 6.637 ha, quy hoạch theo 3 loại rừng như sau:

a) Quy hoạch rừng đặc dụng: Tổng diện tích 74.509 ha, trong đó rừng tự nhiên 73.311 ha, rừng trồng 616 ha, đất chưa có rừng 582 ha;

b) Quy hoạch rừng phòng hộ: Tổng diện tích 113.218 ha, trong đó rừng tự nhiên 80.806 ha, rừng trồng 22.015 ha, đất chưa có rừng 9.658 ha và đất khác 739 ha;

c) Quy hoạch rừng sản xuất: Tổng diện tích 172.976 ha, trong đó rừng tự nhiên 64.143 ha, rừng trồng 72.544 ha, đất chưa có rừng 30.391 ha và đất khác 5.898 ha.

## **Chương II**

### **ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH BẢO VỆ VÀ PHÁT TRIỂN RỪNG**

#### **Điều 2. Mục tiêu, nhiệm vụ**

##### **1. Mục tiêu:**

Đến năm 2020: Độ che phủ của rừng ổn định 52%, chất lượng của rừng tự nhiên và rừng trồng ngày càng được cải thiện; đưa sản lượng gỗ rừng trồng khai thác hàng năm 800.000m<sup>3</sup>, trong đó trồng rừng tập trung thâm canh đạt khoảng 700.000 m<sup>3</sup>/năm, năng suất bình quân đạt 15 m<sup>3</sup>/ha/năm; tốc độ tăng trưởng bình quân là 12%; giá trị sản xuất lâm nghiệp chưa qua chế biến đạt khoảng 2.500 tỷ đồng, xuất khẩu đạt khoảng 70 triệu USD/năm; giải quyết việc làm, tăng thu nhập cho khoảng 70.000 lao động, góp phần vào công cuộc xóa đói giảm nghèo cho nông dân miền núi; nâng cao nhận thức cho người dân sống gần rừng tham gia vào việc bảo vệ môi trường sinh thái.

##### **2. Nhiệm vụ:**

Quản lý, bảo vệ và phát triển ổn định lâm phận của tỉnh với quy mô 343.674 ha vào năm 2020 (giảm 17.028 ha do chuyển sang mục đích khác), trong đó 74.330 ha rừng đặc dụng, 112.928 ha rừng phòng hộ và 156.416 ha rừng sản xuất. Tổ chức quản lý, khai thác, sử dụng có hiệu quả tiềm năng rừng, đất rừng, đặc biệt là rừng sản xuất cho mục tiêu tăng trưởng kinh tế, gắn với bảo vệ môi trường sinh thái.

#### **Điều 3. Quy hoạch bảo vệ và phát triển rừng**

##### **1. Quy hoạch sử dụng đất lâm nghiệp**

Hạng mục	Năm 2015 (sau điều chỉnh, bổ sung) (ha)	Năm 2020 (ha)	Cơ cấu năm 2020 (%)	Tăng (+), giảm (-) (ha)
Tổng diện tích tự nhiên	599.031	599.031	100,00	
Tổng diện tích lâm nghiệp	360.703	343.674	57,37	-17.028
- Có rừng	313.435	312.921	52,24	-514
+ Rừng tự nhiên	218.259	218.390	36,46	130
+Rừng trồng	95.175	94.531	15,78	-644
- Đất chưa có rừng	40.632	24.878	4,15	-15.753
- Đất khác	6.637	5.875	0,98	-761
1. Rừng đặc dụng	74.509	74.330	12,41	-179
2. Rừng phòng hộ	113.218	112.928	18,85	-290
3. Rừng sản xuất	172.976	156.416	26,11	-16.560

## 2. Bảo vệ rừng

Quy hoạch bảo vệ rừng từ nay đến năm 2020: Tổng diện tích rừng bảo vệ 308.349 ha/năm, trong đó rừng đặc dụng 73.926 ha/năm, rừng phòng hộ 101.345 ha/năm và rừng sản xuất 133.078 ha/năm.

## 3. Phát triển rừng

a) Khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên 4.365 ha/năm, trong đó rừng đặc dụng 27 ha/năm, rừng phòng hộ 2.272 ha/năm và rừng sản xuất 2.066 ha/năm; khoanh nuôi xúc tiến tái sinh có trồng bổ sung 3.793 ha/năm, trong đó rừng đặc dụng 103 ha/năm, rừng phòng hộ 1.610 ha/năm và rừng sản xuất 2.080 ha/năm ;

b) Trồng mới: 7.969 ha, bình quân 1.594 ha gồm: rừng đặc dụng 212 ha, rừng phòng hộ 2.425 ha, rừng sản xuất 5.332 ha ;

c) Trồng nâng cấp cho rừng phòng hộ 1.448 ha;

d) Trồng rừng sản xuất sau khai thác rừng trồng 35.000 ha, bình quân 7.000 ha/năm;

đ) Trồng rừng bán ngập nước diện tích khoảng 550 ha;

e) Mỗi năm trên địa bàn toàn tỉnh trồng thêm 04 triệu cây phân tán;

g) Cây cao su: Phát triển thêm khoảng 2.757 ha để đưa diện tích cao su đứng đạt 13.477 ha vào năm 2020;

h) Cải tạo rừng sản xuất 1.548 ha, bình quân 310 ha/năm;

i) Làm giàu rừng 585 ha, bình quân 117 ha/năm.

## 4. Khai thác

a) Khai thác rừng trồng tập trung 35.000 ha bình quân 7.000 ha/năm, sản lượng 3.500.000 m<sup>3</sup> bình quân 700.000 m<sup>3</sup>/năm;

b) Khai thác rừng trồng phân tán toàn giai đoạn là 10 triệu cây, tương đương 5.000ha, sản lượng 500.000m<sup>3</sup>; bình quân mỗi năm khai thác 100.000m<sup>3</sup>;

c) Khai thác lâm sản ngoài gỗ bao gồm: Song, mây 15.000 tấn, bình quân 3.000 tấn/năm; nhựa thông 5.000 tấn, bình quân 1.000 tấn/năm; mù cao su 27.500 tấn, bình quân 5.500 tấn/năm; khai thác tre nứa 1.2 triệu cây/năm và các loài thực phẩm dược liệu;

d) Ưu tiên sử dụng gỗ và các lâm sản từ gỗ khai thác được cho các cơ sở chế biến trong tỉnh.

#### 5. Chế biến lâm sản

Tiếp tục thực hiện Quy hoạch chế biến lâm sản được phê duyệt tại Quyết định số 111/QĐ-UBND ngày 09/01/2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh, trong đó chú trọng kêu gọi đầu tư xây dựng mới các cơ sở sản xuất gồm: một nhà máy chế biến ván MDF trên tuyến đường Hồ Chí Minh và một nhà máy ở Khu kinh tế Vũng Áng, huyện Kỳ Anh với công suất mỗi nhà máy dự kiến 150.000m<sup>3</sup> nguyên liệu/năm, sản phẩm sản xuất dự kiến 75.000m<sup>3</sup>/năm trở lên. Hình thành các khu chế biến gỗ tập trung tại các khu công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và làng nghề.

#### Điều 4. Tổng hợp vốn đầu tư

1. Tổng nhu cầu vốn đầu tư bảo vệ và phát triển rừng toàn kỳ dự kiến 2.217.791 triệu đồng.

2. Nguồn vốn: Vốn ngân sách 436.746 triệu đồng, trong đó: Vốn địa phương 43.675 triệu đồng và vốn trung ương 393.071 triệu đồng; vốn tín dụng: 1.246.732 triệu đồng; vốn tự có: 178.104 triệu đồng; vốn nước ngoài: 356.209 triệu đồng.

### Chương III

### TỔ CHỨC THỰC HIỆN

#### Điều 5. Một số giải pháp thực hiện

1. Tăng cường phổ biến, giáo dục pháp luật, nâng cao ý thức, vai trò, trách nhiệm của các cấp, các ngành và các tầng lớp nhân dân trong quản lý, bảo vệ và phát triển rừng.

2. Tăng cường quản lý nhà nước, đẩy mạnh hoạt động kiểm tra, kiểm soát, đảm bảo thực thi pháp Luật Bảo vệ và phát triển rừng.

a) Tăng cường quản lý nhà nước trong việc chuyển đổi mục đích sử dụng rừng, đất lâm nghiệp sang thực hiện các dự án, chương trình phát triển kinh tế, xã hội đảm bảo đúng quy định của pháp luật;

b) Thường xuyên kiểm tra, kiểm soát, ngăn chặn, xử lý các hành vi khai thác, vận chuyển, buôn bán, tàng trữ, chế biến lâm sản trái phép; kiểm soát chặt chẽ nguồn nguyên liệu gỗ đầu vào, đầu ra của các cơ sở chế biến;

c) Đẩy mạnh phối hợp trong quản lý, bảo vệ rừng giữa các ban ngành trong tỉnh và giữa lực lượng kiểm lâm và chủ rừng;

d) Phối hợp trong quản lý bảo vệ rừng với các tỉnh giáp ranh Nghệ An và Quảng Bình

3. Tập trung nguồn lực đẩy mạnh khai thác hiệu quả tiềm năng lợi thế rừng và đất lâm nghiệp cho mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, giải quyết việc làm, nâng cao đời sống người dân và gắn với bảo vệ môi trường sinh thái.

Xây dựng đề án khai thác tiềm năng, lợi thế rừng và đất lâm nghiệp để phát triển kinh tế - xã hội theo hướng: Huy động nguồn lực, có chính sách khuyến khích mạnh mẽ, tạo điều kiện thuận lợi cho các thành phần kinh tế đầu tư phát triển sản xuất nhằm khai thác tối đa tiềm năng lợi thế về rừng và đất lâm nghiệp để phát triển các sản phẩm hàng hóa chủ lực của tỉnh theo quy hoạch như: Gỗ nguyên liệu, chè, cam bưởi, cao su... và các sản phẩm, dịch vụ từ rừng. Trong đó cần quan tâm, chú trọng việc phát triển cơ sở hạ tầng phục vụ sản xuất, ứng dụng mạnh mẽ công nghệ chế biến; khai thác tiềm năng về du lịch sinh thái, dịch vụ môi trường rừng; gây trồng, khai thác, chế biến lâm sản phi gỗ; đẩy mạnh liên kết sản xuất hình thành các hợp tác xã liên kết với doanh nghiệp...

4. Nâng cao năng lực các ban quản lý rừng và đổi mới tổ chức sản xuất; hoàn thiện giao đất giao rừng và hỗ trợ phát triển sinh kế cho người dân sống gần rừng

a) Nâng cao năng lực quản lý rừng và sản xuất lâm nghiệp đặc biệt là các Ban quản lý rừng phòng hộ, công ty lâm nghiệp và các tổ chức có liên quan nhằm phát huy hiệu quả tiềm năng và lợi thế về rừng và đất lâm nghiệp, nâng cao hiệu quả trong công tác quản lý, bảo vệ rừng và hiệu quả trong sản xuất lâm nghiệp. Chỉ đạo Công ty lâm nghiệp và dịch vụ: Hương Sơn, Chúc A thực hiện hiệu quả Đề án sắp xếp, đổi mới và phát triển, nâng cao hiệu quả hoạt động đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt;

b) Tiếp tục xem xét rà soát, thu hồi đất của các tổ chức, cá nhân đã được giao nhưng sử dụng không hiệu quả, sử dụng không đúng mục đích để giao cho các đối tượng khác, địa phương để giao cho hộ gia đình, cá nhân và cộng đồng dân cư thiếu đất sản xuất sử dụng phát triển kinh tế lâm nghiệp. Đồng thời rà soát các địa phương còn rừng và đất rừng không giao được cho hộ gia đình, công tác quản lý bảo vệ khó khăn, để xem xét giao lại cho các chủ rừng liền kề, thuận lợi quản lý bảo vệ rừng.

c) Hoàn thiện công tác giao đất, giao rừng cho cá nhân, hộ gia đình và cộng đồng và tổ chức, đảm bảo quản lý chặt chẽ. Đồng thời quan tâm cải thiện sinh kế cho người dân sống gần rừng như khuyến khích, hỗ trợ kinh tế vườn đồi, xây dựng và nhân rộng mô hình trang trại nông lâm kết hợp.

5. Đẩy mạnh hoạt động khoa học và công nghệ, đào tạo và khuyến lâm

a) Nghiên cứu, chuyển giao các phương thức kinh doanh rừng tổng hợp, bền vững; kỹ thuật nhân giống mới có năng suất cao; kỹ thuật nông lâm kết hợp có hiệu quả; công nghệ mới, hiện đại trong chế biến sâu lâm sản;

b) Tăng cường năng lực của hệ thống khuyến nông, khuyến lâm nhằm chuyên giao, hỗ trợ đưa khoa học, công nghệ mới vào phục vụ sản xuất. Đầu tư hỗ trợ xây dựng một số mô hình sản xuất, kinh doanh rừng hiệu quả, bền vững để phổ biến, nhân rộng. Mở các lớp tập huấn chuyên giao về kỹ thuật trồng, chăm sóc, nuôi dưỡng và khai thác rừng hợp lý; các lớp bồi dưỡng về quản lý rừng, hạch toán kinh tế trong kinh doanh rừng...;

c) Đẩy mạnh áp dụng, đầu tư các dây chuyền công nghệ chế biến tiên tiến, hiện đại với công suất, thiết bị đủ lớn, ít ô nhiễm môi trường vào sản xuất, trong đó ưu tiên công nghệ chế biến gỗ rừng trồng sản xuất ván nhân tạo như MDF, ván ghép thanh...;

6. Nâng cao chất lượng rừng trồng gắn với đẩy mạnh chế biến tinh, sâu; liên doanh liên kết, mở rộng thị trường nhằm nâng cao giá trị rừng trồng

a) Phát triển diện tích rừng trồng nguyên liệu tập trung thâm canh. Từng bước thay thế những diện tích rừng trồng kém hiệu quả, tăng diện tích thâm canh các loại giống có năng suất cao, rừng nguyên liệu gỗ lớn, cây bản địa; khuyến khích phát triển lâm nghiệp đa chức năng, hình thành các vùng nguyên liệu tập trung thâm canh, mô hình kết hợp chăn nuôi, trồng cây ăn quả với trồng rừng và khai thác rừng bền vững.

b) Chuyển đổi cơ cấu cây trồng để chuyển hướng từ khai thác gỗ non xuất khẩu dăm gỗ sang khai thác, kinh doanh gỗ lớn phục vụ chế biến tinh, sâu.

c) Tập trung phát triển công nghiệp chế biến lâm sản theo hướng tinh sâu, sản xuất các mặt hàng có sức cạnh tranh cao.

d) Đẩy mạnh liên kết trong phát triển sản xuất để nâng cao giá trị gia tăng sản phẩm hàng hóa lâm nghiệp.

đ) Xúc tiến mở rộng thị trường tiêu thụ gỗ và lâm sản.

7. Thực hiện hiệu quả chính sách đã có, tiếp tục có chính sách khuyến khích mạnh mẽ cho phát triển lâm nghiệp

Thực hiện, vận dụng các chính sách đã có của Trung ương, của tỉnh một cách hiệu quả thiết thực, đồng thời nghiên cứu, bổ sung một số chính sách của tỉnh để khuyến khích, hỗ trợ mạnh mẽ cho phát triển, nhất là phát triển kinh tế rừng.

8. Quan tâm huy động nguồn vốn đáp ứng yêu cầu

a) Ưu tiên đầu tư nguồn ngân sách cho các chương trình, dự án quản lý, bảo vệ và phát triển rừng đặc dụng, rừng phòng hộ theo hướng bền vững.

b) Tiếp tục khai thác, bổ sung quỹ bảo vệ phát triển rừng trên địa bàn để hỗ trợ vào nguồn đầu tư của Nhà nước trong công tác quản lý, bảo vệ và phát triển các khu rừng đặc dụng, rừng phòng hộ trọng điểm.

c) Khuyến khích, tạo thuận lợi cho các thành phần kinh tế đầu tư phát triển rừng sản xuất theo hướng thâm canh, kinh doanh tổng hợp tạo thành vùng nguyên liệu tập trung gắn với nhà máy chế biến và thị trường tiêu thụ.

d) Chủ động kêu gọi, xúc tiến đầu tư các dự án liên doanh, liên kết đầu tư trồng rừng gắn với chế biến lâm sản, các dự án CDM (dự án trồng, bảo vệ rừng sạch) và dự án hiện đại hóa ngành Lâm nghiệp và tăng cường tính chống chịu vùng ven biển các tỉnh miền trung.

đ) Kêu gọi và huy động nguồn lực từ nhiều thành phần kinh tế trong và ngoài nước vào công tác quản lý bảo vệ và phát triển rừng vì mục đích kinh tế - xã hội và môi trường sinh thái.


### **Điều 6. Tổ chức thực hiện**

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này. Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có sự thay đổi, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch, Ủy ban nhân dân tỉnh thống nhất với Thường trực Hội đồng nhân dân để thực hiện và báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp gần nhất.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Khoá XVII, Kỳ họp thứ 3 thông qua ngày 15 tháng 12 năm 2016 và có hiệu lực kể từ ngày ký ./.

### **Nơi nhận:**

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Ban Công tác đại biểu UBTVQH;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Chính phủ, Website Chính phủ;
- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- Kiểm toán nhà nước khu vực II;
- Bộ Tư lệnh Quân khu IV;
- Cục kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- TT Tỉnh uỷ, HĐND, UBND, UBMTTQ tỉnh;
- Đại biểu Quốc hội đoàn Hà Tĩnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- Các VP: Tỉnh uỷ, Đoàn ĐBQH, HĐND, UBND;
- TT HĐND, UBND các huyện, thành phố, thị xã;
- Trung tâm T.Tin VP HĐND tỉnh;
- Trung tâm Công báo - Tin học VP UBND tỉnh;
- Trang thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu. 



**Lê Đình Sơn**

